

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

REANDA

The logo for REANDA, consisting of a stylized letter 'R' inside a square followed by the word 'REANDA' in a bold, sans-serif font.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015	12 - 40
7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	41 - 42



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 05 Công ty con là Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC, Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Bảo Duy Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét của Công ty.

1. Khái quát về Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 17 ngày 10 tháng 04 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (8) 38 966 819
- Fax : + 84 (8) 38 963 210
- Mã số thuế : 0 3 0 1 4 4 4 6 2 6

• Thông tin về chi nhánh

1. Trạm xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301333626-030; hạch toán phụ thuộc;
2. Trạm xăng dầu số 11 tại đường ĐT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301333626-029; hạch toán phụ thuộc;
3. Trạm xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường ĐT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301333626-028; hạch toán phụ thuộc;
4. Trạm xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301333626-032; hạch toán phụ thuộc;
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-034; hạch toán phụ thuộc;
6. Trạm xăng dầu Long Bình tại 90, Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-040; hạch toán phụ thuộc;
7. Trạm xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-042; hạch toán phụ thuộc;
8. Trạm xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-019; hạch toán phụ thuộc;
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-037; hạch toán phụ thuộc;
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-046; hạch toán phụ thuộc;

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

11. Trạm xăng dầu số 1 tại 744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-017; hạch toán phụ thuộc;
12. Trạm xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trạm xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trạm xăng dầu số 19 tại 54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301333626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-009; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-010; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301333626-011;
23. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301333626-012; hạch toán phụ thuộc;

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh xe gắn máy;
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;
- Sắt thép, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

4. Các công ty con

Tổng số công ty con: 5 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 5 công ty.

Các Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức	139B quốc lộ 1A, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư	01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh điện máy, điện tử gia dụng	100%	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC	231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
4. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duyệt Trung	Ấp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
5. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và ban Điều hành, quản lý của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

5.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Thành	Chủ tịch		16/07/2015
Ông Ma Đức Tú	Chủ tịch	16/07/2015	
Ông Nguyễn Cao Khải	Thành viên	30/03/2013	
Ông Dương Xuân Phát	Thành viên		
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên		16/07/2015

5.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	30/03/2013	
Ông Võ Tuấn Hào	Thành viên	30/03/2013	
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	30/03/2013	

5.3 Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Giám đốc		16/07/2015
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	04/04/2013	
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	04/04/2013	
Ông Nguyễn Cao Khải	Phó Giám đốc	05/11/2014	
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	03/04/2013	

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Giám đốc		16/7/2015
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/7/2015	

7. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 42.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 14/07/2015, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đã thực hiện thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc. Ông Ma Đức Tú được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay cho ông Nguyễn Hữu Thành từ ngày 16/07/2015 và ông Hoàng Đình Sơn được bổ nhiệm làm Giám đốc, người đại diện pháp luật từ ngày 16/07/2015.

Ngày 21/07/2015, Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức thực hiện thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 18, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

11. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



MA ĐỨC TÚ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015.



Số: 2361/15/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 05 công ty con là Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC, Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Song Đức, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Bảo Duy Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKH số: 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Trần Văn Hiệp - Kiểm toán viên

Giấy CNDKH số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		163.844.293.344	145.870.628.549
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	17.281.509.147	22.799.769.481
111	1. Tiền		17.281.509.147	22.799.769.481
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	22.696.513.827	25.251.250.197
121	1. Chứng khoán kinh doanh		34.837.785.245	35.011.267.792
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.141.271.418)	(9.760.017.595)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		17.551.072.167	19.396.319.790
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	14.057.111.147	12.073.970.243
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	3.035.017.577	6.916.958.136
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		458.943.443	405.391.411
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.5	104.920.228.937	76.552.678.338
141	1. Hàng tồn kho		104.920.228.937	76.552.678.338
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.394.969.266	1.870.610.743
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	116.366.331	160.589.108
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.278.602.935	1.484.231.785
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	225.789.850
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		163.962.389.710	161.360.308.888
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		144.825.029.985	140.084.575.945
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	68.438.593.008	62.752.031.602
222	- Nguyên giá		116.040.501.244	106.346.567.028
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.601.908.236)	(43.594.535.426)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	76.386.436.977	77.332.544.343
228	- Nguyên giá		86.157.845.203	86.157.845.203
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.771.408.226)	(8.825.300.860)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.10	9.666.075.059	9.913.553.615
231	- Nguyên giá		13.181.218.943	13.181.218.943
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.515.143.884)	(3.267.665.328)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.11	5.334.541.393	8.159.431.581
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.334.541.393	8.159.431.581
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	90.000.000	90.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		90.000.000	90.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
	V. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI		1.664.379.533	1.775.005.007
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.382.363.740	1.337.742.740
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	1.553.649.570	514.703.414
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		125.750.385	101.412.781
268	3. Tài sản dài hạn khác	V.7	702.963.785	721.626.545
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		327.806.683.054	307.230.937.437

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		138.794.921.799	126.943.852.648
310	I. Nợ ngắn hạn		128.668.934.094	115.109.254.058
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	55.864.393.041	57.155.176.120
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	3.023.820.058	6.019.989.271
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	4.145.840.079	2.594.634.816
314	4. Phải trả người lao động		19.623.409.205	9.295.892.734
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		18.721.789	43.238.159
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.15a	312.000.000	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.16a	4.676.662.696	3.804.207.779
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.17	39.531.155.034	35.137.914.014
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.472.932.192	1.058.201.165
330	II. Nợ dài hạn		10.125.987.705	11.834.598.590
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
333	3. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
336	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.15b	8.976.973.292	10.627.272.745
337	5. Phải trả dài hạn khác	V.16b	915.349.486	915.349.486
338	6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	-
341	7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		233.664.927	291.976.359
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		188.563.379.308	179.891.713.234
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	188.563.379.308	179.891.713.234
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		124.000.000.000	124.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.458.121.096	27.458.121.096
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		16.254.156.278	13.111.454.024
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.851.101.934	15.322.138.114
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.298.499.058	4.022.189.751
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		15.552.602.876	11.299.948.363
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
	E. LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ		448.381.947	395.371.555
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		327.806.683.054	307.230.937.437

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015



Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

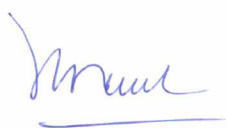
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

DVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1a	1.225.186.592.387	1.199.973.823.761
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.225.186.592.387	1.199.973.823.761
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	1.144.640.237.221	1.157.022.908.341
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.546.355.166	42.950.915.420
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.254.002.882	2.688.662.605
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.726.832.748	2.115.348.829
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.296.728.364	1.530.198.414
25	8. Chi phí bán hàng		37.081.332.545	27.374.447.180
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		18.015.525.978	11.602.626.257
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.976.666.777	4.547.155.759
31	11. Thu nhập khác	VI.5	981.263.494	9.895.361.158
32	12. Chi phí khác	VI.6	304.060.265	1.313.558
40	13. Lợi nhuận khác		677.203.229	9.894.047.600
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.653.870.006	14.441.203.359
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.312.757.564	2.937.051.789
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(82.649.036)	(24.337.604)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		19.423.761.478	11.528.489.174
	Trong đó:			
	Lợi ích của cổ đông thiểu số		53.010.393	24.892.447
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	1.313	821
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		-	-

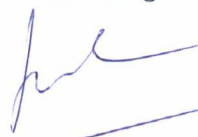
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH



Giám Đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.653.870.006	14.441.203.359
	2. Điều chỉnh cho các khoản		7.101.017.927	482.244.382
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		5.572.958.732	4.957.955.612
03	- Các khoản dự phòng		2.381.253.823	305.986.898
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.149.922.992)	(6.311.896.542)
06	- Chi phí lãi vay		1.296.728.364	1.530.198.414
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		31.754.887.933	14.923.447.741
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.050.876.473	2.544.811.616
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(29.522.380.306)	6.239.476.249
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		5.164.999.665	(40.127.973.703)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		160.106.328	332.610.865
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		173.482.547	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.321.244.734)	(1.443.518.414)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.107.881.657)	(2.886.169.148)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		105.812.164	8.302.557.718
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.489.239.249)	(1.321.589.083)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		969.419.164	(13.436.346.159)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(3.129.680.220)	(184.899.011)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		150.000.000	14.803.709
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(81.542.760)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		160.092.914	759.410.699
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		985.425.000	1.533.122.956
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.834.162.306)	2.040.895.593
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		515.861.061.025	741.145.539.910
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(511.467.820.005)	(723.794.040.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.046.758.212)	(11.160.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.653.517.192)	6.191.499.910
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(5.518.260.334)	(5.203.950.656)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		22.799.769.481	28.334.760.360
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	17.281.509.147	23.130.809.704

Người lập biểu

(Signature)

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

(Signature)

VIÊN THIÊN KHANH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015
 Giám Đốc
 HOÀNG ĐÌNH SƠN
 S.Đ.K. 030147281.509.147
 CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC (TIMEXCO)
 0. THỦ ĐỨC - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức và 05 công ty con là Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư, Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC, Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt, Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu Bảo Duy Trung (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 5 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 5 công ty.

Các Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Song Đức	139B quốc lộ 1A, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Ba mươi tháng tư	01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức	Kinh doanh điện máy, điện tử gia dụng	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
3. Công ty TNHH MTV Xăng dầu TMC	Đức, Tp. Hồ Chí Minh 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	dùng Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
4. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Bảo Duy Trung	Áp Đường Long, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng, dầu	100%	100%	100%
5. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Thành Đạt	38 Đặng Văn Bi, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 371 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 06 năm 2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 -30
Máy móc và thiết bị	06 – 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	15 – 25

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	448.483.580	844.225.264
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.785.979.567	21.892.760.217
- Tiền đang chuyển	47.046.000	62.784.000
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>17.281.509.147</u>	<u>22.799.769.481</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi	131.943.049	192.000.000	-	222.653.894	332.100.000	-
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau	1.076.032.114	910.000.000	(166.032.114)	1.158.803.816	1.057.000.000	(101.803.816)
- Công ty CP Vật tư xăng dầu	585.538.344	774.000.000	-	585.538.344	634.250.000	-
- Công ty CP Thép Pomina	5.191.965.240	1.264.800.000	(3.927.165.240)	5.191.965.240	1.562.400.000	(3.629.565.240)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	1.639.691.867	688.000.000	(951.691.867)	1.639.691.867	856.000.000	(783.691.867)
- Công ty CP Thép Nhà Bè	1.185.000.000	264.500.000	(920.500.000)	1.185.000.000	235.750.000	(949.250.000)
- Công ty CP Lương thực Vĩnh Long	611.346.631	490.000.000	(121.346.631)	611.346.631	600.000.000	(11.346.631)
- Công ty CP Thép Biên Hòa	997.500.000	259.875.000	(737.625.000)	997.500.000	110.250.000	(887.250.000)
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	82.177.000	98.168.200	-	82.177.000	56.413.400	-
- Công Ty CP Vật Tư Hậu Giang ⁽¹⁾	4.905.000.000	4.905.000.000	-	4.905.000.000	4.905.000.000	-
- Công Ty CP Địa Ốc 9 ⁽¹⁾	3.990.000.000	3.990.000.000	-	3.990.000.000	3.990.000.000	-
- Công Ty CP Dệt Việt Thắng	677.500.000	677.500.000	-	677.500.000	677.500.000	-
- Công Ty CP Dệt Đông Á	897.500.000	897.500.000	-	897.500.000	897.500.000	-
- Công Ty CP XNK Vĩnh Long ⁽¹⁾	339.000.000	339.000.000	(339.000.000)	339.000.000	339.000.000	-
- Ngân Hàng TMCP Phương Nam	1.975.220.000	512.336.000	(1.462.884.000)	1.975.220.000	547.268.000	-
- Công Ty CP Phong Phú ⁽¹⁾	846.000.000	846.000.000	-	846.000.000	846.000.000	-
- Công Ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec ⁽¹⁾	4.186.371.000	4.186.371.000	(3.454.968.610)	4.186.371.000	789.270.959	(3.397.110.041)
- Tổng Công Ty CP Thép Việt Nam ⁽¹⁾	2.020.000.000	2.020.000.000	(60.057.956)	2.020.000.000	2.148.353.602	-
- Công Ty CP Pvoil Sài Gòn	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Cộng	34.837.785.245	26.815.050.200	(12.141.271.418)	35.011.267.792	24.084.055.961	(9.760.017.595)

⁽¹⁾ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tạm tính theo giá trị đầu tư (do không có giá giao dịch).

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp Thương mại Củ Chi: giảm do bán bớt 11.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 140.488.460 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau: giảm do bán bớt 5.000 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 82.771.701 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:*

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Số đầu năm	(9.760.017.595)	(6.012.335.656)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.559.638.823)	(1.200.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	178.385.000	294.013.102
Số cuối kỳ	(12.141.271.418)	(6.918.322.554)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
- Công ty TNHH Ba tháng hai	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-
Cộng	90.000.000	90.000.000	-	90.000.000	90.000.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác^(*)</i>	<i>14.057.111.147</i>	<i>12.073.970.243</i>
Cộng	14.057.111.147	12.073.970.243

^(*) Chủ yếu là khoản thương mại về bán xăng dầu cho khách hàng lẻ.**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>3.035.017.577</i>	<i>6.916.958.136</i>
- Công ty TNHH Xây dựng Trí Phát	1.550.140.300	1.000.000.000
- Công ty TNHH Kiến trúc	524.700.000	524.700.000
- Trả trước cho người bán khác	960.177.277	5.392.258.136
Cộng	3.035.017.577	6.916.958.136

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	977.140.057	-	565.168.740	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Hàng hóa ^(*)	103.943.088.880	-	75.987.509.598	-
Cộng	104.920.228.937	-	76.552.678.338	-

^(*) Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu và xe máy.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác ^(*)	116.366.331	160.589.108
Cộng	116.366.331	160.589.108

^(*) Chủ yếu là giá trị công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng và được phân bổ dưới 12 tháng.**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ sử dụng của nhà hàng Rose	1.154.829.707	-
- Chi phí trả trước dài hạn khác	398.819.863	514.703.414
Cộng	1.553.649.570	514.703.414

7. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh ⁽¹⁾	702.963.785	721.626.545
Cộng	702.963.785	721.626.545

⁽¹⁾ Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân chia lợi ích: Công ty nhận cố định hàng tháng với số tiền là 174.554.545 đồng (tổng lợi ích đã ghi nhận trong kỳ là 1.047.327.270 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	78.748.192.728	17.335.368.754	9.662.858.752	600.146.794	106.346.567.028
Mua trong kỳ	-	530.907.636	882.636.364	100.000.000	1.513.544.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.942.477.488	1.790.000.182	1.819.912.546	-	8.552.390.216
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(372.000.000)	-	(372.000.000)
Số cuối kỳ	83.690.670.216	19.656.276.572	11.993.407.662	700.146.794	116.040.501.244
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.218.297.373	5.500.320.373	2.174.738.024	251.017.203	16.144.372.973
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	26.303.637.277	10.188.161.732	6.605.366.315	497.370.102	43.594.535.426
Khấu hao trong kỳ	2.480.521.260	1.238.528.392	632.607.078	27.716.080	4.379.372.810
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(372.000.000)	-	(372.000.000)
Số cuối kỳ	28.784.158.537	11.426.690.124	6.865.973.393	525.086.182	47.601.908.236
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	52.444.555.451	7.147.207.022	3.057.492.437	102.776.692	62.752.031.602
Số cuối kỳ	54.906.511.679	8.229.586.448	5.127.434.269	175.060.612	68.438.593.008

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 3.790.166.613 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem tại thuyết minh mục V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	16.573.125.036	69.238.100.167	346.620.000	86.157.845.203
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>16.573.125.036</u>	<u>69.238.100.167</u>	<u>346.620.000</u>	<u>86.157.845.203</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			121.200.000	121.200.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	8.649.187.528	176.113.332	8.825.300.860
Khấu hao trong kỳ	-	911.737.368	34.369.998	946.107.366
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>9.560.924.896</u>	<u>210.483.330</u>	<u>9.771.408.226</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>16.573.125.036</u>	<u>60.588.912.639</u>	<u>170.506.668</u>	<u>77.332.544.343</u>
Số cuối kỳ	<u>16.573.125.036</u>	<u>59.677.175.271</u>	<u>136.136.670</u>	<u>76.386.436.977</u>

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại cuối kỳ theo sổ sách là 2.300.878.928 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem tại thuyết minh mục V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Bất động sản đầu tư****10a. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	13.181.218.943	13.181.218.943
Mua mới	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	-
Số cuối kỳ	13.181.218.943	13.181.218.943
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	976.409.097	976.409.097
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	3.267.665.328	3.267.665.328
Khấu hao trong kỳ	247.478.556	247.478.556
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	3.515.143.884	3.515.143.884
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	9.913.553.615	9.913.553.615
Số cuối kỳ	9.666.075.059	9.666.075.059

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức	12.151.404.226	2.511.290.218	9.640.114.008
- Kho 60/6 Trường Tre	924.571.597	924.571.597	-
- Cửa hàng trưng bày Dương Văn Cam	53.405.620	27.444.560	25.961.060
- Cửa hàng 2/9 chợ Bà Chiểu	51.837.500	51.837.500	-
Cộng	13.181.218.943	3.515.143.875	9.666.075.068

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Thu nhập từ việc cho thuê	1.428.403.100	1.411.363.632
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	243.028.086	564.556.742
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	412.769.636	(2.864.686.910)	(3.277.456.546)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	7.746.661.945	(5.765.573.948)	(8.074.273.315)	(103.421.185)	5.334.541.393
- Đất và công trình Bảo Duy Trung	3.545.194.600	-	-	-	3.545.194.600
- Chung cư 27 đường số 9, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức	1.624.353.483	-	-	-	1.624.353.483
- Cài tạo, sửa chữa CHXD 18	-	(164.993.310)	-	-	164.993.310
- Cài tạo 746 Kha Vạn Cân	2.503.092.677	(5.571.180.638)	(8.074.273.315)	-	-
- Cổng chào và khu tiếp thực	74.021.185	(29.400.000)	-	(103.421.185)	-
Cộng	8.159.431.581	(8.630.260.858)	(11.351.729.861)	(103.421.185)	5.334.541.393

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	43.871.534.174	39.641.364.424
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	34.921.778.424	10.553.708.424
- Công ty Xăng dầu Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	8.415.440.000	28.944.520.000
- Công ty Đầu tư Thương mại SMC	391.179.750	-
- Công ty CP địa ốc 9	143.136.000	143.136.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	11.992.858.867	17.513.811.696
- Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.375.759.990	5.096.570.050
- Công ty Honda Việt Nam	676.272.457	714.275.194
- Các nhà cung cấp khác	9.940.826.420	11.702.966.452
Cộng	55.864.393.041	57.155.176.120

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	3.023.820.058	6.019.989.271
Cộng	3.023.820.058	6.019.989.271

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.550.682	-	3.603.002.177	(3.316.146.768)	343.406.091	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.597.558.081	-	3.107.881.657	(5.312.757.564)	3.802.433.988	-
- Thuế thu nhập cá nhân	120.489.853	-	399.852.693	(500.172.551)	-	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	820.036.200	-	849.488.170	(1.669.524.370)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	35.500.000	(35.500.000)	-	-
Cộng	2.594.634.816	-	7.995.724.697	(10.834.101.253)	4.145.840.079	-

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**15a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	312.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	312.000.000	-
Cộng	312.000.000	-

15b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	8.976.973.292	10.627.272.745
- Ngân hàng TMCP Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	8.976.973.292	10.627.272.745
Cộng	8.976.973.292	10.627.272.745

16. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4.676.662.696	3.804.207.779
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	13.592.428	13.410.375
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.260.427.066	3.330.238.121
- Phải trả lợi nhuận hoạt động liên doanh	1.146.436.059	281.510.541
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	256.207.143	179.048.742
Cộng	4.676.662.696	3.804.207.779

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	915.349.486	915.349.486
- Đoàn Vĩnh Nam ⁽¹⁾	700.000.000	700.000.000
- Nguyễn Thị Nghiệp ⁽²⁾	71.349.486	71.349.486
- Nhận ký quỹ dài hạn	144.000.000	144.000.000
Cộng	915.349.486	915.349.486

⁽¹⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 262/HĐKT ngày 22 tháng 10 năm 2014, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 50% và chia cho ông Đoàn Vĩnh Nam là 50%.

⁽²⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho bà Nguyễn Thị Nghiệp là 28,5%.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	10.053.739.234	10.053.739.234	10.229.484.014	10.229.484.014
- Vay của các cá nhân	10.053.739.234	10.053.739.234	10.229.484.014	10.229.484.014
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	29.477.415.800	29.477.415.800	24.908.430.000	24.908.430.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đông Sài Gòn ⁽¹⁾	15.477.415.800	15.477.415.800	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Đông Sài Gòn ⁽²⁾	14.000.000.000	14.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bản Việt – CN Sài Gòn	-	-	4.908.430.000	4.908.430.000
Cộng	39.531.155.034	39.531.155.034	35.137.914.014	35.137.914.014

⁽¹⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 06/015-HĐTDHM/NHCT946-TIMEXCO ngày 23/06/2015; Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng (hạn mức cho vay bao gồm các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng 06/2014-HĐTDHM/NHT946-TIMEXCO ngày 17/06/2014); Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay này là 3.790.166.613 đồng (xem tại thuyết minh mục V.8).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay này là 2.300.878.928 đồng (xem tại thuyết minh mục V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Là khoản vay theo Hợp đồng vay số 01/2011/361031 ngày 27/04/2011, phụ lục hợp đồng số 01/2011/361031.PL4 ngày 24 tháng 6 năm 2013; Hạn mức cho vay: 30.000.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động; Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền vay			
	Số đầu năm	phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	24.908.430.000	513.593.741.370	(509.024.755.570)	29.477.415.800
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.229.484.014	2.267.319.655	(2.443.064.435)	10.053.739.234
Cộng	35.137.914.014	515.861.061.025	(511.467.820.005)	39.531.155.034

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Tổng Công ty dầu Việt Nam	63.057.300.000	50,85	63.057.300.000	50,85
- Công ty TNHH MTV (PVOIL)				
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
- Vốn góp của các đối tượng khác	42.471.100.000	34,25	42.471.100.000	34,25
Cộng	124.000.000.000	100	124.000.000.000	100

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		
	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp	
	124.000.000.000	124.000.000.000	-
Cộng	124.000.000.000	124.000.000.000	-

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	124.000.000.000	124.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.440.000.000	11.160.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

18e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

18f. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2014 ngày 28/03/2015 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 4.960.000.000
- Trích quỹ đầu tư phát triển : 3.142.702.254

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền 2.480.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng thành viên số 09/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 04 năm 2015.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Tài sản nhận giữ hộ

- Hàng hoá nhận giữ hộ cuối kỳ:
 - Xăng A92: 41.726 lít.
 - Xăng A95: 359 lít.
 - Xăng E5: 1.600 lít.
 - Dầu DO 0,05%: 11.779 lít.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Doanh thu bán hàng hóa	1.219.177.922.651	1.195.434.503.364
+Doanh thu bán xăng dầu	1.067.220.462.114	1.025.244.831.491
+Doanh thu bán xe máy	51.271.785.733	55.073.704.920
+Doanh thu bán sắt thép	18.662.042.779	26.679.708.139
+ Điện máy, điện tử gia dụng	82.023.632.025	88.436.258.814
- Doanh thu dịch vụ	2.456.907.543	1.421.108.013
+Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	2.456.907.543	1.421.108.013
- Doanh thu cho thuê bất động sản	3.454.474.927	2.881.013.785
- Doanh thu khác	97.287.266	237.198.599
Cộng	<u>1.225.186.592.387</u>	<u>1.199.973.823.761</u>

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.143.403.134.689	1.155.258.411.658
+Giá vốn bán xăng dầu	1.009.384.912.848	999.886.983.070
+Giá vốn bán xe máy	45.592.307.592	50.799.244.578
+ Giá vốn bán sắt thép	17.359.966.474	25.733.238.373
+ Điện máy, điện gia dụng	71.065.947.775	78.838.945.637
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	231.720.000	161.612.232
+ Giá vốn dịch vụ tiệc cưới	231.720.000	161.612.232
- Chi phí kinh doanh cho thuê bất động sản	913.596.606	1.380.794.454
- Hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức	47.968.604	-
- Giá vốn các hoạt động khác	43.817.322	222.089.997
Cộng	<u>1.144.640.237.221</u>	<u>1.157.022.908.341</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	180.842.075	256.867.978
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	940.797.032	1.246.485.000
- Lãi bán hàng trả chậm	26.280.000	7.626.000
- Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	46.214.754	173.853.267
- Doanh thu tài chính khác	1.059.869.021	1.003.830.360
Cộng	<u>2.254.002.882</u>	<u>2.688.662.605</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC*Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	1.296.728.364	1.530.198.414
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	10.915.701	246.744.657
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.381.263.823	600.000.000
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(294.013.102)
- Chi phí tài chính khác	37.924.860	32.418.860
Cộng	3.726.832.748	2.115.348.829
5. Thu nhập khác		
- Thu nhượng bán bất động sản đầu tư	-	5.818.820.243
- Thu nhập khác	981.263.494	4.076.540.915
Cộng	981.263.494	9.895.361.158
6. Chi phí khác		
- Chi phí khác	304.060.265	1.313.558
Cộng	304.060.265	1.313.558

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.423.761.478	11.528.489.174
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
- Lợi nhuận chia cho bên liên doanh	(1.330.358.211)	(212.506.742)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.809.340.327)	(1.131.598.243)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.284.062.940	10.184.384.189
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.400.000	12.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>1.313</u>	<u>821</u>

(*) Được xác định bằng 10% (Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp – Lợi nhuận chỉ cho bên liên doanh)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.910.385.489	2.498.306.210
- Chi phí nhân công	38.761.633.484	23.283.404.292
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.572.958.732	3.577.161.158
- Lợi thế thương mại	110.625.474	110.625.474
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.589.166.308	7.897.626.169
- Chi phí khác	1.188.362.395	1.609.950.134
Cộng	<u>57.133.131.882</u>	<u>38.977.073.437</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong 6 tháng đầu năm 2015

	Số tiền
Lương	1.455.617.000
Thưởng	281.478.000
Thù lao	219.600.000
Khác	49.602.000
Cộng	2.006.297.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)	Là công ty mẹ (chiếm 50,85% vốn điều lệ của Công ty)
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)	Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ của Công ty)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	Công ty có đầu tư chứng khoán vào công ty SMC

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)		
Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	462.797.249.092	529.431.672.731
- Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC		
Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	5.682.526.650	4.631.672.600

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Báo cáo bộ phận***- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**6 tháng đầu năm 2015*

Chỉ tiêu	Xăng dầu	Sắt thép	Xe gắn máy	Điện máy, điện gia dụng	Cho thuê cơ sở hạ tầng, khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.067.220.462.114	18.662.042.779	51.271.785.733	82.023.632.025	6.008.669.736	1.225.186.592.387
Giá vốn hàng bán	1.009.384.912.848	17.359.966.474	45.592.307.592	71.065.947.775	1.237.102.532	1.144.640.237.221
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.835.549.266	1.302.076.305	5.679.478.141	10.957.684.250	4.771.567.204	80.546.355.166
Tỷ lệ lãi gộp	5,42%	6,98%	11,08%	13,36%	79,41%	9,30%

6 tháng đầu năm 2014

Chỉ tiêu	Xăng dầu	Vật liệu xây dựng	Xe gắn máy	Điện máy, điện gia dụng	Cho thuê cơ sở hạ tầng, khác	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.025.244.831.491	26.679.708.139	55.073.704.920	88.436.258.814	4.539.320.397	1.199.973.823.761
Giá vốn hàng bán	999.886.983.070	25.733.238.373	50.799.244.578	78.838.945.637	1.764.496.683	1.157.022.908.341
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.357.848.421	946.469.766	4.274.460.342	9.597.313.177	2.774.823.714	42.950.915.420
Tỷ lệ lãi gộp	2,47%	3,55%	7,76%	10,85%	61,13%	3,58%

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Số liệu so sánh****3a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
- Chứng khoán kinh doanh	121	11.481.666.342	23.529.601.450	35.011.267.792
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(6.264.324.104)	(3.495.693.491)	(9.760.017.595)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	24.341.227.995	(24.251.227.995)	90.000.000
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(3.495.693.491)	3.495.693.491	-
- Tài sản dài hạn khác	268	-	721.626.545	721.626.545
- Quỹ đầu tư phát triển	418	5.316.531.272	7.794.922.752	13.111.454.024
- Quỹ dự phòng tài chính		7.794.922.752	(7.794.922.752)	-
Kết quả kinh doanh hợp nhất				
- Thu nhập khác	31	17.418.214.552	(7.522.853.394)	9.895.361.158
- Chi phí khác	32	7.524.166.952	(7.522.853.394)	1.313.558
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	913	(92)	821

4. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty thế chấp một số tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.19). Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp này tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 6.091.045.541 đồng.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 14/07/2015, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức đã thực hiện thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc. Ông Ma Đức Tú được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị thay cho ông Nguyễn Hữu Thành từ ngày 16/07/2015 và ông Hoàng Đình Sơn được bổ nhiệm làm Giám đốc, người đại diện pháp luật từ ngày 16/07/2015.

Ngày 21/07/2015, Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức thực hiện thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 18, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty.

VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	49,98	43,9
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	50,02	56,0
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	42,34	47,5
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	57,66	52,4
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,27	1,00
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,46	0,33
2.3. Khả năng thanh toán tức thời	Lần	0,13	0,16
3. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần	%	6,57	3,58
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	1,59	0,96
- Doanh thu thuần trên tổng tài sản	%	385,86	341,63
- Tỷ suất sinh lời trên tài sản	%	6,12	3,28
- Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu	%	10,52	6,50

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

Giám đốc



HOÀNG ĐÌNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	124.000.000.000	27.458.121.096	11.714.152.464	14.520.114.860	177.692.388.420
2. Tăng trong năm trước	-	-	1.397.301.560	22.042.246.555	23.439.548.115
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	22.042.246.555	22.042.246.555
- Bỏ sung từ lợi nhuận	-	-	1.397.301.560	-	1.397.301.560
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	21.240.223.301	21.240.223.301
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.397.301.560	1.397.301.560
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.488.471.175	1.488.471.175
- Chia cổ tức	-	-	-	17.360.000.000	17.360.000.000
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	519.552.374	519.552.374
- Chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	397.583.218	397.583.218
- Tách lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	77.314.974	77.314.974
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	124.000.000.000	27.458.121.096	13.111.454.024	15.322.138.114	179.891.713.234
5. Tăng trong kỳ này	-	-	3.142.702.254	19.423.761.478	22.566.463.732
- Lãi trong kỳ	-	-	-	19.423.761.478	19.423.761.478
- Bỏ sung từ lợi nhuận	-	-	3.142.702.254	-	3.142.702.254
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	13.894.797.658	13.894.797.658
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.142.702.254	3.142.702.254
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	1.652.326.800	1.652.326.800
- Chia cổ tức còn lại của 2014	-	-	-	4.960.000.000	4.960.000.000
- Chia cổ tức của năm 2015	-	-	-	2.480.000.000	2.480.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

- Thủ lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	276.400.000	276.400.000
- Chia lợi nhuận cho bên liên doanh (*)	-	-	1.330.358.211	1.330.358.211
- Tách lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	53.010.393	53.010.393
7. Số dư cuối kỳ này	124.000.000.000	27.458.121.096	16.254.156.278	20.851.101.934

(*) Là khoản chia lợi nhuận cho các bên liên doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới)

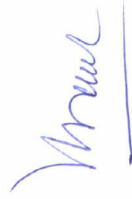
Chi tiết gồm:

- Ông Đoàn Vĩnh Nam (1)	1.177.734.866
- Bà Nguyễn Thị Nghiếp (2)	152.623.345
Cộng	1.330.358.211

(2) Lợi nhuận chia cho bên liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 262/HĐKT ngày 22 tháng 10 năm 2014 với ông Đoàn Vĩnh Nam, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Toàn bộ hoạt động được Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức theo dõi và hạch toán. Tỷ lệ phân chia kết quả sau thuế cho mỗi bên là 50%.

(3) Lợi nhuận chia cho bên liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000 với bà Nguyễn Thị Nghiếp, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Toàn bộ hoạt động được Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức theo dõi và hạch toán. Tỷ lệ phân chia kết quả sau thuế TNDN như sau: Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hưởng 71,5% và bà Nguyễn Thị Nghiếp hưởng 28,5%.

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng



VIÊN THIÊN KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 08 năm 2015

